

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày 26 - 4 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản (tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Miên

2. Ông Lý Thanh Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Danh Thị S.**

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B.**

Địa chỉ: Đường V, ấp Đ, Thị trấn N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Thạch Thị T.**

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2020 của nguyên đơn bà Danh Thị S và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều trình bày:

Năm 2019, bà S có cho chị Thạch Thị T vay và mượn tiền, cụ thể như sau:

- Tiền vay: Chị T vay tiền của bà S 02 lần, đều không có làm giấy tờ, thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng, khi nào chị T có tiền sẽ trả cho bà S. Hai bên giao nhận đủ tiền tại nhà bà S, nhưng sau đó chị T không đóng tiền lãi như thỏa thuận, nên bà S yêu cầu trả tiền thì chị T hứa sẽ trả, nhưng cho đến nay vẫn chưa trả, trong đó:

+ Lần 1: Ngày 15-02-2019 vay 10.000.000 đồng. Chị T trả lãi cho bà S được 02 tháng (tính đến ngày 15-4-2019) với số tiền 2.000.000 đồng.

+ Lần 2: Ngày 15-3-2019 vay 10.000.000 đồng. Chị T trả lãi được 01 tháng (tính đến ngày 15-4-2019) với số tiền 1.000.000 đồng.

- Tiền mượn: Ngày 30-8-2019 bà S cho chị T mượn số tiền 8.800.000 đồng. Hai bên không có làm giấy tờ, thỏa thuận 10 tháng sau chị T sẽ trả lại. Bà S đã giao đủ tiền tại nhà của bà S, nhưng khi đến thời hạn trả tiền bà S yêu cầu trả thì chị T hẹn sẽ trả nhưng cho đến nay vẫn chưa trả.

Tại biên bản hòa giải ngày 15-7-2020 của Tổ hòa giải ấp Phú Túc, xã Phú Mỹ, chị T thừa nhận có Tiền của bà S, xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng, nhưng bà S không đồng ý.

Bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị T phải trả cho bà: Số tiền vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và tiền mượn là 8.800.000 đồng (Tám triệu, tám trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 28.800.000 đồng, bà S không yêu cầu tính lãi suất.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là các bản chính: Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 15-7-2020 của Tổ hòa giải ấp Phú Túc, hòa giải giữa bà Danh Thị S và chị Thạch Thị T.

Trong đơn trả lời thông báo thụ lý vụ án ngày 25-11-2020 cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Thạch Thị T đều trình bày:

Chị T còn nợ tiền của bà S tổng cộng là 28.800.000 đồng, trong đó gồm tiền mượn là 20.000.000 đồng và tiền vay là 8.800.000 đồng đúng như nội dung khởi kiện của bà Danh Thị S, nhưng do chị làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả đúng hạn. Nay chị T đồng ý trả số tiền này, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chị xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Chị T không yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi mà chị đã trả cho bà S.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị giải quyết vắng mặt. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn chị T trả số tiền 28.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn là bà S yêu cầu bị đơn là chị T trả nợ tiền vay, mượn còn thiếu nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Chị B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bị đơn chị T trả lại tiền vay còn Tắt, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà S có cung cấp cho Tòa án bản chính: Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 15-7-2020 của Tổ hòa giải ấp Phú Túc, hòa giải giữa bà Danh Thị S và chị Thạch Thị T. Trong biên bản hòa giải cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đều thừa nhận còn nợ tiền vay, mượn đúng như yêu cầu khởi kiện của bà S.

Như vậy, các đương sự đều thống nhất số tiền và thời vay, mượn, hiện nay chị T còn nợ bà S tổng cộng số tiền là 28.800.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định nội dung khởi kiện của nguyên đơn là đúng sự thật.

Theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Căn cứ vào quy định này thì hợp đồng giữa bà S với chị T đều là hợp đồng vay tài sản (tiền) có lãi, chứ không phải hợp đồng mượn tài sản (tiền).

Bà S đã báo cho chị T trả tiền và phát sinh tranh chấp, nhưng đến nay chị T không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định của khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, vì tại khoản 1 điều luật này quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”

Từ những phân tích trên, xét thấy việc bà S yêu cầu chị T trả tiền vay là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, cần buộc chị T phải trả cho bà S số tiền còn nợ tổng cộng là 28.800.000 đồng. Đồng thời chị T còn phải chịu tiền lãi đối với tiền vốn cho đến khi trả xong tiền vốn vay.

[3] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật như đã nêu trên.

[4] Chị T cho rằng hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên chị xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ, tuy nhiên yêu cầu này của chị T không có sự chấp nhận của phía nguyên đơn và không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc chị T phải trả lại cho nguyên đơn số tiền vốn vay 28.800.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Danh Thị S thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.
- Do yêu cầu khởi kiện của bà S được chấp nhận toàn bộ, chị T có trách nhiệm trả nợ và chị T không có đơn đề nghị miễn án phí, nên chị phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn chị Thạch Thị T trả cho nguyên đơn bà Danh Thị S tổng số tiền vốn vay là 28.800.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng), trong đó gồm tiền vay:

- Vào ngày 15-02-2019 với số tiền là 10.000.000 đồng (bằng chữ: Mười triệu đồng).
- Vào ngày 15-3-2019 với số tiền là 10.000.000 đồng (bằng chữ: Mười triệu đồng).
- Vào ngày 30-8-2019 với số tiền là 8.800.000 đồng (bằng chữ: Tám triệu, tám trăm nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là bà Danh Thị S cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là chị Thạch Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Danh Thị S thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

- Chị Thạch Thị T phải chịu 720.000 đồng (bằng chữ: Bảy trăm hai mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh